

**TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày 06-04-2021.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Hoàng.**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Tiến.**

2. Ông **Lê Truyền Bình.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na.**

Ngày 06/04/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 51/2020/TLST-KDTM ngày 18/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-KDTM ngày 09/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-KDTM ngày 08/03/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐC – Trụ sở: 22 NQ, phường Tr, quận H, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn L** - Chuyên viên tổ tụng. Địa chỉ chi nhánh Đà Nẵng: Lô A2.1 đường 3, phường HC, quận H, thành phố Đ(Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T - Sinh năm 1992. Địa chỉ: H6/6 K134 Q, phường T, quận H, thành phố Đ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng của đại diện nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ngân hàng TMCP ĐC – Chi nhánh S – Phòng G – TP. Đ đã cho ông Phạm Văn T vay tiền theo hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng cho vay số 19/2019/HĐTD/PVB-PGDCM, ngày 24/01/2019 (Hợp đồng cho vay số 19). Vay số tiền: 106.000.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu đồng chẵn). Thời hạn vay: 48 tháng (từ ngày 24/01/2019 đến ngày 24/01/2023). Mục đích sử dụng vốn: Vay hoàn vốn/bù đắp mua xe ô tô kinh doanh. Phương thức trả nợ: Lãi và gốc trả vào ngày 24 hàng tháng; lãi suất vay: lãi suất trong hạn được quy định cụ thể trên Khế ước nhận nợ số: 101902452950 ngày 24/01/2019; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Ông Phạm Văn T đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là xe ô tô tải loại tải thùng kín, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DB4, số khung 2F4CJN000861, số máy Q4G64F000601, biển kiểm soát số 43C-202.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 067247 do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/01/2019, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2018 đứng tên ông Phạm Văn T theo Hợp đồng thế chấp số 19/2019/HĐBĐ/PVB-PGDCM ngày 24/01/2019 (Hợp đồng thế chấp số 19) tại PV.

Trong quá trình vay ông Phạm Văn T đã thanh toán cho PV tính đến ngày 29/04/2020 là 8.602.619 đồng (trong đó, nợ gốc: 6.672.263 đồng; nợ lãi: 1.930.356 đồng).

Tuy nhiên, kể từ kỳ trả nợ ngày 25/05/2019 ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cho vay số 19. Để giải quyết khoản nợ của khách hàng, PV đã nhiều lần có văn bản đề nghị thanh toán cũng như trực tiếp trao đổi, làm việc với ông Phạm Văn T, tuy nhiên đến nay, ông Phạm Văn T vẫn không thực hiện việc thanh toán khoản nợ cho PVcomBank.

Theo đó, dư nợ tạm tính đến hết ngày Buộc Ông Phạm Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 05/04/2021 là 126.150.346 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó: Dư nợ gốc 99.327.737 đồng, dư nợ lãi 26.822.609 đồng và tiếp tục trả lãi kể từ ngày 06/04/2020 cho đến khi tất toán khoản vay.

-Trường hợp Ông Phạm Văn T không thanh toán được nghĩa vụ nợ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Xe ô tô tải loại tải thùng kín, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DB4, số khung 2F4CJN000861, số máy Q4G64F000601, biển kiểm soát số 43C-202.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 067247 do Công an Thành phố Đ cấp ngày 08/01/2019, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2018 cho ông Phạm Văn T theo Hợp đồng thế chấp số

19/2019/HĐBD/PVB-PGDCM ngày 24/01/2019 để thanh toán khoản nợ của ông Phạm Văn T tại PV.

- Đối với ông Phạm Văn T:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn và tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Văn T vắng mặt không có lý do; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông T không có ý kiến của mình đối với yêu cầu người khởi kiện. Do vậy phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc ông Phạm Văn T trả nợ vay cho Nguyên đơn, nếu không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông **Phạm Văn T**; địa chỉ: Địa chỉ: H6/6 K134 Q, phường T, quận H, thành phố Đ nên vụ án được Tòa án nhân dân quận Hải Châu (Tòa án nơi bị đơn cư trú) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (Hợp đồng tín dụng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; HĐXX xét thấy vụ án này ông Phạm Văn T vay tiền, mục đích bù đắp để mua xe ô tô kinh doanh nhưng trong hồ sơ vụ án không thể hiện ông T kinh doanh lĩnh vực gì. Do đó vụ án này là thuộc vụ án Dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nên

Tòa án tiến hành xét xử vắng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hình thức hợp đồng: Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng cho vay số 19/2019/HĐTD/PVB-PGDCM, ngày 24/01/2019; Khế ước nhận nợ ngày 24/01/2019; Tài sản thế chấp xe ô tô số 19/2019/HĐBĐ/PVB-PGDCM ngày 24/01/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là PV) với ông Phạm Văn T (Bị đơn) thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp và tuân thủ đúng các quy định tại Điều 116,119 Bộ luật dân sự và phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên làm phát sinh hiệu lực của hợp đồng và buộc các bên phải tôn trọng, thực hiện.

[2.2]. Về nội dung tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng cho vay số 19/2019/HĐTD/PVB-PGDCM, ngày 24/01/2019 (Hợp đồng cho vay số 19). Vay số tiền: 106.000.000 đồng (*Một trăm lẻ sáu triệu đồng chẵn*). Thời hạn vay: 48 tháng (từ ngày 24/01/2019 đến ngày 24/01/2023). Mục đích sử dụng vốn: Vay hoàn vốn/bù đắp mua xe ô tô kinh doanh. Phương thức trả nợ: Lãi và gốc trả vào ngày 24 hàng tháng; lãi suất vay: Lãi suất trong hạn được quy định cụ thể trên Khế ước nhận nợ số: 101902452950 ngày 24/01/2019; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm; thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp với Điều 463 Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Tuy nhiên, trong quá trình vay Bị đơn là ông Phạm Văn T đã thanh toán đến ngày 29/4/2020 với số tiền 8.602.619 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 6.672.263 đồng; Nợ lãi: 1.930.356 đồng). Kể từ kỳ trả nợ ngày 25/05/2020 đến nay bị đơn không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù PV đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng ông T vẫn chạy lỳ trốn tránh, không thanh toán cho PV.

Như vậy, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà Bị đơn đã ký với PV. Do đó yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam là có căn cứ, phù hợp với Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng và Điều 463 và 466 của Bộ Luật dân sự 2015; Nên buộc bị đơn ông Phạm Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP số tiền tính đến ngày 05/04/2021 tổng cộng là: 126.150.346 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó: Dư nợ gốc 99.327.737 đồng, dư nợ lãi 26.822.609 đồng.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 06/04/2020 trên số nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số:19/2019/HĐTD/PVB-PGDCM, ngày 24/01/2019;

Khế ước nhận nợ số: Khế ước nhận nợ số: 101902452950 ngày 24/01/2019;

[2.3]. Xử lý tài sản thế chấp: Nếu trong trường hợp Bị đơn không trả số tiền nêu trên hoặc trả không đầy đủ thì tài sản thế chấp là xe ô tô tải loại tải thùng kín, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DB4, số khung 2F4CJN000861, số máy Q4G64F000601, biển kiểm soát số 43C-202.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 067247 do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/01/2019, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2018 đứng tên ông Phạm Văn T sẽ được xử lý phát mãi tài sản thế chấp căn cứ tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp số 19/2019/HĐBĐ/PVB/PGDCM ngày 24/01/2019 và theo Điều 299 và 320 của Bộ luật Dân sự để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp Bị đơn thanh toán xong khoản vay nói trên cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 067247 do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/01/2019, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2018 đứng tên ông Phạm Văn T.

[3]. Về án phí: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí; Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng PVcomBank nên Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là: 6.307.517 đồng (*Sáu triệu ba trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm mười bảy đồng*).

[4]. Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do chấp nhận yêu cầu Nguyên đơn nên Bị đơn phải chịu số tiền xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Buộc Bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Căn cứ vào các Điều 299, 320, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP đối với Bị đơn ông Phạm Văn T.

Xử: Buộc ông Phạm Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP số tiền vay tổng cộng là: 126.150.346 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm năm*

mười nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó: Dư nợ gốc 99.327.737 đồng, dư nợ lãi 26.822.609 đồng (lãi tính đến ngày 05/04/2021).

Lãi tiếp tục tính từ ngày 06/4/2021 trên số nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 19/2019/HĐTD/PVB-PGDTCM, ngày 24/01/2019; Khế ước nhận nợ số: 101902452950 ngày 24/01/2019; Trường hợp, trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu trong trường hợp ông Phạm Văn T không trả số tiền nêu trên hoặc trả không đầy đủ thì tài sản thế chấp là xe ô tô tải loại tải thùng kín, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DB4, số khung 2F4CJN000861, số máy Q4G64F000601, biển kiểm soát số 43C-202.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 067247 do Công an thành phố Đ cấp ngày 08/01/2019, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2018 đứng tên ông Phạm Văn T được xử lý phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án.

Trường hợp ông T thanh toán xong khoản vay nói trên cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 067247 do Công an thành phố Đ cấp ngày 08/01/2019, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2018 đứng tên ông T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 6.307.517 đồng (*Sáu triệu ba trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm mười bảy đồng*) ông Phạm Văn T phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng chẵn*) theo biên lai thu số 0009310 ngày 21/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đ.

3. Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Buộc Phạm Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ.

4. Quyền kháng cáo: Đại diện Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Ông Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

NGUYỄN ĐỨC HOÀNG

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN ĐỨC HOÀNG

